

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14/5/2019

“ *V/v tranh chấp ly hôn* ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH Đ**

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Hùng;

*Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Bá Tòng;

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Vinh;

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Phạm Văn Minh;

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 319/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 vụ án “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đỗ Ngọc L, sinh năm 1969;

Bị đơn: Nguyễn Huy H, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: ấp Tân Q, xã Tân Ph, huyện C, tỉnh Đ.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội, ủy quyền cho ông Võ Văn L, chức vụ Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 04/9/2018, các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết bà Đỗ Ngọc L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H do mai mối rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian sao thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau, ông H không lo làm ăn, chăm lo cho vợ con và thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập vợ con. Từ đó, tình trạng vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống nên đã ly thân từ 2016 đến nay.

Nay bà L không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Huy H.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Huỳnh A sinh năm 1989 và Nguyễn Hoàng S sinh năm 1992. Hiện 02 con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: vợ chồng có vay của Ngân hàng chính sách huyện C 9.000.000 đồng, bà L đã trả nợ xong.

*\* Tại các lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết, bị đơn ông Nguyễn Huy H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: ông H thống nhất theo lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2017 bà L đi làm thuê để trả nợ. Ông H có kêu về nhưng chị L không về.

Nay ông H vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Huỳnh A sinh năm 1989 và Nguyễn Hoàng S sinh năm 1992. Hiện 02 con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: vợ chồng có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C 9.000.000 đồng từ năm 1998 đến nay đã trả nợ Ngân hàng xong.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội ủy quyền cho ông Võ Văn L trình bày:

Ông Nguyễn Huy H có vay vốn chương trình cho vay hộ nghèo tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C 9.000.000 đồng vào ngày 27/4/2016 với thời hạn trả vào ngày 13/4/2021. Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C yêu cầu bà L và ông H liên đới trả 9.000.000 đồng. Đến ngày 15/3/2019, Ngân hàng chính sách xã hội huyện C có công văn số 50/TB-NHCS ngày 15/3/2019 không yêu cầu Tòa án giải quyết do ngày 13/3/2019 ông H và bà L đã trả

hết số nợ cho Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 6 năm 2019, ông Nguyễn Hữu T trình bày: ông Nguyễn Huy H và bà Đỗ Ngọc L, có cổ quyền sử dụng đất diện tích 5.000m<sup>2</sup> đất trồng lúa, mức cổ 20 chỉ vàng 24k với thời hạn 10 năm sẽ trả lại. Ông H và bà L đã trả được 10 chỉ vàng 24k và còn lại 10 chỉ vàng 24k. Việc ông H, bà L ly hôn thì ông T không có ý kiến gì và cũng không tranh chấp gì phần 10 chỉ vàng 24k cổ đất.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự: thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thẩm phán thực hiện đúng qui định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng qui định tại các điều 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành giấy triệu tập tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đúng qui định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Huy H;

Về con chung: các con đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa có ấn định thời gian mở lại phiên tòa cho bị đơn anh Nguyễn Huy H theo qui định tại Điều 220, 233 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) nhưng anh Hoàng đã vắng mặt tại phiên tòa. Như vậy, việc bị đơn vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đỗ Thị Ngọc L và ông Nguyễn Huy H chung sống với nhau năm 1988 đến nay không có đăng ký kết hôn nên được xác định là hôn nhân không hợp pháp. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 về Đăng ký kết hôn:

*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.*

Thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do ông H không lo làm ăn, chăm lo cho vợ con và thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập vợ con. Từ đó, tình trạng vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống nên đã ly thân từ tháng 2016 đến nay.

Xét thấy tại phiên tòa, bà L có đơn xin vắng mặt xét xử và giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện. Ông H mặt dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Từ đó cho thấy ông H đã từ bỏ quyền trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà L và ông H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy nếu để ông, bà chung sống trở lại cũng không tạo được một gia đình hạnh phúc, bền vững.

Tại khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về việc áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 11 của luật này được thực hiện như sau:

.....  
*b) Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.*

*Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng;*

.....  
Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lương về việc ly hôn với ông Hoàng.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Huỳnh A sinh năm 1989 và Nguyễn Hoàng S sinh năm 1992. Hiện 02 con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C yêu cầu bà L và ông H liên đới trả 9.000.000 đồng. Tại công văn số 50/TB-NHCS ngày 15/3/2019

không yêu cầu Tòa án giải quyết do ngày 13/3/2019 ông H và bà L đã trả hết số nợ cho Ngân hàng. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng Chính sách xã hội.

[3] Ông Nguyễn Hữu T có quyền sử dụng đất của ông H và bà L diện tích 5.000m<sup>2</sup> đất trồng lúa giá 20 chỉ vàng 24k, bà L đã trả được 10 chỉ vàng 24K cho ông T. Ông T cũng không tranh chấp về nợ chung của vợ chồng ông H, bà L, nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện. Trường hợp, ông H, bà L không trả số vàng trên thì ông T sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Bà Đỗ Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2, Điều 53, khoản 1, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

#### **Xử:**

- Về quan hệ vợ chồng: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Ngọc L và ông Nguyễn Huy H.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Huỳnh A sinh năm 1989 và Nguyễn Hoàng S sinh năm 1992. Hiện 02 con đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội, ủy quyền cho ông Võ Văn L Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C. Đối với hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Hữu T với ông Nguyễn Huy H, bà Đỗ Ngọc L không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Đỗ Ngọc L nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000đ theo biên lai số 03391 ngày 18/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, như vậy bà L đã nộp xong án phí.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày hôm nay tuyên án, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án Tỉnh;
- Các đương sự;
- VKSND Huyện;
- Chi Cục THADS Huyện;
- UBND xã Tân Phú Trung;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

**Nguyễn Thanh Hùng**